

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản năm 2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản năm 2024;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Quyết định số 2255/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc thanh lý tài sản công;

Căn cứ Biên bản định giá thanh lý tài sản ngày 06/02/2025 của Hội đồng xác định giá thanh lý tài sản.

Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản với nội dung sau:

1. Tên, địa chỉ của đơn vị được giao xử lý tài sản

Tên đơn vị: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị

Địa chỉ: Phường Đông Giang, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Số điện thoại: 02333 524 478 (số máy di động: 0914.459.111).

2. Thông tin về tài sản

- Tên tài sản: Xe ô tô đã qua sử dụng, cụ thể:

+ Biển kiểm soát: 74B-0216

- + Nhãn hiệu: MAZDA
- + Số loại: 626
- + Năm sản xuất: 2000
- + Màu sơn: Trắng
- + Số khung: GF22S1MH000374
- + Số máy: FS-731329
- Nguồn gốc: Tài sản công thanh lý;
- Giá khởi điểm: **25.000.000** đồng (*Bằng chữ: Hai mươi lăm triệu đồng chẵn*).

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá

Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được đánh giá, chấm điểm dựa theo các nhóm tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản quy định tại Điều 33, Thông tư số 19/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành ngày 31/12/2024 (*có bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm kèm theo*).

Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị căn cứ các thông tin trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để chấm điểm và xử lý các tình huống theo quy định tại Điều 35, Điều 37 Thông tư số 19/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành ngày 31/12/2024.

4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

- Thời gian nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá trong giờ hành chính từ ngày 17/02/2025 đến 16 giờ 30 phút ngày 21/02/2025.

- Địa điểm nộp hồ sơ: Tổ chức hành nghề đấu giá nộp hồ sơ trực tiếp tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị. Địa chỉ: Phường Đông Giang, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Người đến nộp hồ sơ phải mang theo Giấy giới thiệu và CCCD; không hoàn trả hồ sơ đối với các hồ sơ không được lựa chọn.

5. Hồ sơ đăng ký gồm có:

- Hồ sơ pháp lý đăng ký hoạt động doanh nghiệp đấu giá tài sản;
- Bản mô tả năng lực kinh nghiệm;
- Phương án tổ chức đấu giá và giá dịch vụ đấu giá;

- Các tài liệu chứng minh về năng lực, kinh nghiệm của tổ chức.

Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị thông báo để các tổ chức hành nghề đấu giá được biết và tham gia đăng ký./.

Nơi nhận:

- Cổng đấu giá tài sản Quốc gia;
- Website Sở TN&MT;
- Lãnh đạo VPĐKĐĐ;
- Lưu: VT, HCTH.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn An

BẢNG TIÊU CHÍ
ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
(Theo Thông báo số/TB-VPĐKĐĐ ngày /02/2025 của Văn phòng
Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	<i>Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	Đủ điều kiện
2.	<i>Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	<i>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</i>	10,0
1.1	<i>Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử....)</i>	5,0
1.2	<i>Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện</i>	5,0
2.	<i>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</i>	5,0
2.1	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>	2,0
2.2	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>	3,0
3.	<i>Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, cập nhật thường xuyên</i> <i>Đối với Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp</i>	2,0

4.	<i>Có trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</i>	1,0
5.	<i>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</i>	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1.	<i>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i>	4,0
1.1	<i>Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2,0
1.2	<i>Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2,0
2.	<i>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</i>	4,0
3.	<i>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</i>	4,0
3.1	<i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i>	2,0
3.2	<i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i>	2,0
4.	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</i>	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	<i>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	15,0
1.1	<i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i>	12,0
1.2	<i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i>	13,0
1.3	<i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i>	14,0
1.4	<i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i>	15,0

2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	<i>Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)</i>	4,0
2.2	<i>Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành</i>	5,0
2.3	<i>Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành</i>	6,0
2.4	<i>Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên</i>	7,0
3	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	<i>Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)</i>	4,0
3.2	<i>Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc</i>	5,0
3.3	<i>Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc</i>	6,0
3.4	<i>Từ 50 cuộc trở lên</i>	7,0
4	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp tổng số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá dưới 1 điểm được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được chấm tối đa 3 điểm</i>	3,0
4.2	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = (U*3)/Y</i>	
4.3	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền</i>	

	<p>kê tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên:</p> <p>Số điểm của C = (V*3)/Y</p>	
5.	<p>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực)</p> <p>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí</p>	7,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0
6.	<p>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</p> <p>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</p>	4,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7	<p>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản)</p> <p>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí</p>	4,0
7.1	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	<p>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</p> <p>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí</p>	5,0

8.1	<i>Không có đấu giá viên hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	3,0
8.2	<i>Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	4,0
8.3	<i>Có từ 04 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) <i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí</i>	5,0
9.1	<i>Dưới 50 triệu đồng</i>	3,0
9.2	<i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>	4,0
9.3	<i>Từ 100 triệu đồng trở lên</i>	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	8,0
1.	<i>Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đấu giá. (Tài sản cùng loại được xác định theo quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024.</i>	3,0
2.	<i>Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh Quảng Trị.</i>	2,0
3.	<i>Tiêu chí khác: Trụ sở của tổ chức hành nghề đấu giá có hội trường sở hữu riêng với sức chứa tối thiểu 50 người.</i>	3,0
Tổng số điểm		100